

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 02 trang)

THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
Năm học 2026 - 2027
MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Họ và tên: Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Nói với con về bà ngoại
Tuyết Nga

*Con sẽ như giọt nắng
trước hiên bà mùa đông*

*Giọt nắng tìm kim
giọt nắng quét nhà
giọt nắng sún răng lò cò quanh cửa
giọt nắng lẻo đẻo theo bà đi chợ
lẽ mề khiêng cả chiếc bánh đa tròn*

*Con sẽ như chú mèo nhỏ cuối vườn
đánh đổ bóng trắng xuống nơi đầy nước
trần sùng u và áo quần lấm láp
rón rén leo lên ôm gối ngủ vùi*

*Con sẽ như...
như chú cún còi
ăn một bát cơm hết ba chuyện cổ
hạt dẻ, thảm bay, đèn thần, chổi quý
thế giới thần tiên nắp phía lưng bà*

*“Bà yêu con không”, “con sẽ là gì”
đôi mắt thỏ nâu suốt ngày hỏi mẹ.*

*Dù con sinh ra bà đã không còn nữa
nhưng bà yêu con từ xưa từ xưa
bà gửi cho con hoa trái mùa thu
đàn ong tháng Ba
ông trăng tháng Sáu
bà gửi cho con
mẹ
và câu hát...
mai con lớn rồi
vẫn đầy đủ yêu thương.*

(Thơ cho tuổi thơ, Vũ Nho, NXB Hội Nhà văn, 2017, tr.191-192)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,75 điểm): Xác định đề tài của bài thơ.

Câu 2 (0,75 điểm): Trong bài thơ, con được so sánh với những gì?

Câu 3 (1,0 điểm):

*Dù con sinh ra bà đã không còn nữa
nhưng bà yêu con từ xưa từ xưa*

Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ trên?

Câu 4 (1,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ có trong các dòng thơ sau:

*Giọt nắng tìm kim
giọt nắng quét nhà
giọt nắng sún răng lò cò quanh cửa
giọt nắng lẻo đẻo theo bà đi chợ
lẽ mề khiêng cả chiếc bánh đa tròn*

Câu 5 (0,5 điểm): Em đánh giá như thế nào về nhan đề bài thơ?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 300 chữ phân tích tình cảm của người mẹ trong bài thơ *Nói với con về bà ngoại* ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm):

Thói quen trì hoãn bình thường chỉ là tật xấu nhưng nếu nghiêm trọng thì sẽ trở thành “bệnh”.

Em có đồng ý với nhận định trên không? Vì sao?

Hãy viết bài văn nghị luận để thể hiện quan điểm của mình về vấn đề trên.

LỜI GIẢI THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Đề tài của bài thơ là **tình cảm gia đình**.

Cụ thể hơn, bài thơ viết về tình yêu thương giữa các thế hệ trong gia đình: tình bà cháu, tình mẹ con và sự tiếp nối yêu thương từ bà sang mẹ, rồi từ mẹ đến con.

Câu 2

Trong bài thơ, người con được so sánh với:

- **giọt nắng;**
- **chú mèo nhỏ cuối vườn;**
- **chú cún còi.**

Những hình ảnh so sánh này đều gợi vẻ đáng yêu, hồn nhiên, tình nghịch của trẻ thơ.

Câu 3

Hai dòng thơ:

*Dù con sinh ra bà đã không còn nữa
nhưng bà yêu con từ xưa từ xưa*

Có thể hiểu là: khi đưa con ra đời thì bà ngoại đã mất, con không có cơ hội được gặp bà, được sống trong vòng tay yêu thương trực tiếp của bà. Tuy nhiên, tình yêu của bà dành cho con vẫn hiện hữu. Tình yêu ấy không mất đi theo sự ra đi của bà mà được gửi lại qua mẹ, qua lời ru, câu hát, qua những gì đẹp đẽ của quê hương, tuổi thơ.

Cụm từ **“từ xưa từ xưa”** nhấn mạnh tình yêu thương bền lâu, sâu nặng. Qua đó, hai câu thơ thể hiện tình bà cháu thiêng liêng, cảm động; đồng thời cho thấy tình yêu trong gia đình có sức sống lâu bền, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Câu 4

Trong các dòng thơ đã cho, có thể chỉ ra biện pháp tu từ **điệp ngữ**:

*giọt nắng tìm kim
giọt nắng quét nhà
giọt nắng sún răng lò cò quanh cửa
giọt nắng lẻo đẻo theo bà đi chợ*

Từ ngữ được lặp lại là **“giọt nắng”**.

Tác dụng:

Biện pháp điệp ngữ làm cho nhịp thơ trở nên nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu âm điệu. Hình ảnh “giọt nắng” được lặp lại nhiều lần khiến đứa trẻ hiện lên thật hồn nhiên, ấm áp, đáng yêu như một tia nắng nhỏ trong cuộc đời của bà. Qua đó, bài thơ gợi lên không khí gia đình thân thương, những kỉ niệm tuổi thơ bình dị bên bà ngoại, đồng thời thể hiện tình yêu thương, sự nâng niu của người mẹ khi hình dung về con trong vòng tay của bà.

Ngoài ra, có thể chỉ ra biện pháp **nhân hóa**: “giọt nắng tìm kim”, “giọt nắng quét nhà”, “giọt nắng sún răng”, “giọt nắng leo đèo theo bà đi chợ”. Hình ảnh giọt nắng được gán cho những hành động, dáng vẻ của con người, làm cho hình ảnh thơ sinh động, gần gũi và giàu cảm xúc.

Câu 5

Nhan đề “**Nói với con về bà ngoại**” là một nhan đề hay, giản dị mà giàu ý nghĩa.

Nhan đề gợi ra một cuộc trò chuyện thân mật, dịu dàng giữa mẹ và con. Qua lời nói ấy, người mẹ kể cho con nghe về bà ngoại, về tình yêu thương mà bà dành cho con dù bà không còn nữa. Nhan đề cũng góp phần định hướng mạch cảm xúc của bài thơ: đó là lời nhắn nhủ, là sự kết nối yêu thương giữa các thế hệ trong gia đình. Từ nhan đề, người đọc cảm nhận được chủ đề sâu sắc của bài thơ: ca ngợi tình cảm gia đình, đặc biệt là tình yêu thương của bà dành cho cháu và sự biết ơn, trân trọng cội nguồn.

II. VIẾT

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 300 chữ phân tích tình cảm của người mẹ trong bài thơ

Trong bài thơ *Nói với con về bà ngoại*, tình cảm của người mẹ hiện lên thật tha thiết, sâu nặng và giàu yêu thương. Trước hết, người mẹ dành cho con tình yêu dịu dàng, trìu mến. Mẹ hình dung con như “giọt nắng”, như “chú mèo nhỏ cuối vườn”, như “chú cún còi” – những hình ảnh hồn nhiên, bé bỏng, đáng yêu. Qua cách so sánh ấy, có thể thấy trong mắt mẹ, con là niềm vui, là ánh sáng ấm áp của gia đình. Mẹ không chỉ yêu con mà còn muốn con được sống trong một tuổi thơ đẹp đẽ, được chở che bởi tình bà, tình mẹ và những câu chuyện cổ tích nhiệm màu. Bên cạnh tình yêu dành cho con, người mẹ còn bộc lộ nỗi nhớ thương, lòng biết ơn sâu sắc đối với bà ngoại. Câu hỏi “Bà yêu con không?” của con đã chạm vào nỗi lòng của mẹ, bởi “dù con sinh ra bà đã không còn nữa” nhưng tình yêu của bà vẫn hiện hữu trong cuộc đời con. Mẹ hiểu rằng bà đã gửi cho con “hoa trái mùa thu”, “đàn ong tháng Ba”, “ông trăng tháng Sáu”, gửi cho con cả mẹ và câu hát. Điều đó cho thấy mẹ là người lưu giữ, tiếp nối và truyền lại tình yêu thương của bà cho con. Bài thơ vì thế không chỉ nói về tình bà cháu mà còn làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ: giàu yêu thương, luôn nâng niu con, trân trọng quá khứ và biết gìn giữ cội nguồn gia đình. Qua lời mẹ nói với con, người đọc cảm nhận được tình cảm gia đình thiêng liêng, bền chặt và ấm áp.

Câu 2. Nghị luận về ý kiến: Thói quen trì hoãn bình thường chỉ là tật xấu nhưng nếu nghiêm trọng thì sẽ trở thành “bệnh”

Bài văn tham khảo

Trong cuộc sống, mỗi người đều có lúc chần chừ, chậm trễ hoặc chưa muốn bắt tay ngay vào công việc. Tuy nhiên, nếu sự trì hoãn lặp đi lặp lại trong thời gian dài, nó không còn là một biểu hiện bình thường mà có thể trở thành thói quen xấu, thậm chí là một “căn bệnh” cản trở sự phát triển của con người. Vì vậy, em đồng ý với nhận định: “**Thói quen trì hoãn bình thường chỉ là tật xấu nhưng nếu nghiêm trọng thì sẽ trở thành ‘bệnh’.**”

Trước hết, cần hiểu **trì hoãn** là thái độ chậm trễ, né tránh hoặc đẩy công việc sang thời điểm khác dù biết rằng việc đó cần được hoàn thành. Ở mức độ nhẹ, trì hoãn chỉ là một tật xấu: hôm nay chưa học bài thì để ngày mai, bài tập chưa làm thì để sát hạn, việc nhà chưa làm thì chờ người khác nhắc. Những biểu hiện ấy tưởng như nhỏ nhưng nếu diễn ra thường xuyên sẽ khiến con người mất dần tính chủ động và kỉ luật.

Khi trở nên nghiêm trọng, trì hoãn có thể trở thành một “bệnh” theo nghĩa ẩn dụ. Nó không phải là căn bệnh thể chất, nhưng là một trạng thái tâm lý và thói quen sống tiêu cực. Người mắc “bệnh trì hoãn” thường biết rõ việc cần làm nhưng vẫn không làm, luôn tìm lí do để chậm lại, để né tránh trách nhiệm. Lâu dần, họ quen với việc để mọi thứ đến phút cuối, quen với sự bị động, thậm chí cảm thấy lo lắng, hối hận nhưng vẫn khó thay đổi.

Thói quen trì hoãn gây ra nhiều hậu quả đáng lo ngại. Với học sinh, trì hoãn khiến việc học bị dồn lại, kiến thức chồng ngày càng nhiều, kết quả học tập giảm sút. Với người lao động, trì hoãn làm giảm hiệu quả công việc, ảnh hưởng đến tập thể và đánh mất cơ hội thành công. Không chỉ vậy, trì hoãn còn tạo ra tâm lí căng thẳng, mệt mỏi, tự ti vì con người luôn sống trong cảm giác bị công việc đuổi theo. Nhiều ước mơ, kế hoạch tốt đẹp cũng có thể bị bỏ lỡ chỉ vì chúng ta không bắt đầu đúng lúc.

Nguyên nhân của sự trì hoãn có thể đến từ nhiều phía. Có người trì hoãn vì lười biếng, thiếu mục tiêu, thiếu ý chí. Có người lại bị cuốn vào điện thoại, mạng xã hội, trò chơi điện tử nên quên mất việc quan trọng. Cũng có người vì sợ thất bại, sợ khó khăn nên chọn cách né tránh. Nhưng dù xuất phát từ nguyên nhân nào, nếu không biết sửa chữa, trì hoãn sẽ dần trở thành rào cản lớn trong học tập, công việc và cuộc sống.

Để khắc phục thói quen trì hoãn, mỗi người cần rèn luyện tính kỉ luật và tinh thần trách nhiệm. Trước mỗi công việc, ta nên lập kế hoạch rõ ràng, chia mục tiêu lớn thành những việc nhỏ để dễ thực hiện. Việc gì có thể làm ngay thì nên bắt đầu ngay, không chờ đến khi có hứng thú mới làm. Bên cạnh đó, cần hạn chế sự phụ thuộc vào điện thoại, mạng xã hội và những thú vui gây mất thời gian. Gia đình và nhà trường cũng cần nhắc nhở, động viên, giúp học sinh hình thành thói quen học tập, làm việc chủ động.

Tuy nhiên, cũng cần phân biệt trì hoãn với sự cân nhắc cẩn thận. Có những lúc con người cần tạm dừng để suy nghĩ kĩ hơn, chuẩn bị tốt hơn trước khi hành động. Đó không phải là trì hoãn tiêu cực. Điều đáng phê phán là lối sống lười biếng, né tránh, biết việc cần làm nhưng vẫn cố tình không làm.

Tóm lại, trì hoãn nếu chỉ xuất hiện đôi lúc có thể là một tật xấu bình thường, nhưng nếu kéo dài và nghiêm trọng thì sẽ trở thành một “căn bệnh” làm con người mất thời gian, mất cơ hội và mất niềm tin vào bản thân. Vì thế, mỗi chúng ta cần biết chiến thắng sự chần chừ, chủ động bắt đầu từ những việc nhỏ nhất. Bởi thành công không đến với người luôn chờ đợi, mà đến với người biết hành động đúng lúc.